

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

ĐẶNG HOÀNG TUẤN

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO
PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP) TRONG XÂY
DỰNG HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN**

**Ngành: Quản lý kinh tế
Mã số: 9310110**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI, 2024

Công trình được hoàn thành tại Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh,
Trường Đại học Mở - Địa chất.

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS Đỗ Hữu Tùng

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, họp tại Trường Đại học Mở - Địa chất, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội vào hồi...giờ...phút, ngày...tháng...năm 2024

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

Thư viện Quốc Gia, Hà Nội

Thư viện Trường Đại học Mở - Địa chất.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đề đầu tư xây dựng (ĐT XD) kết cấu hạ tầng giao thông (KCHTGT) cần có nguồn vốn lớn. Do vậy, các quốc gia có xu hướng mở rộng thu hút nguồn vốn thông qua phương thức đối tác công tư (PPP - Public Private Partnership), đây là công cụ hữu hiệu để xây dựng và thu hút vốn từ khu vực tư nhân, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư công, nâng cao chất lượng dịch vụ công, giảm gánh nặng ngân sách, thúc đẩy phát triển bền vững, nâng cao khả năng cạnh tranh.

Hiện nay, tỉnh Long An đang quản lý một dự án đầu tư (DĐT) theo phương thức PPP, cụ thể là dự án BOT nâng cấp mở rộng đường tỉnh ĐT830 và ĐT824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hòa, đang trong giai đoạn thu phí hoàn vốn. Trong thực tiễn triển khai dự án không chỉ riêng tỉnh Long An, mà tại một số địa phương khác trên cả nước còn bộc lộ một số bất cập, tồn tại như: Hành lang pháp lý cho phương thức đầu tư PPP trong lĩnh vực phát triển KCHTGT còn nhiều điểm chưa thống nhất, chưa đồng bộ; việc quản lý nguồn thu phí chưa chặt chẽ và minh bạch. Chất lượng xây dựng và bảo trì một số dự án chưa đạt yêu cầu, thiếu cam kết rõ ràng của nhà nước, quá trình ra quyết định phức tạp, chính sách chưa phù hợp với thực tiễn, độ tin cậy thấp, công tác quản lý rủi ro kém, thiếu quy trình quản lý kinh tế,...tất cả đều có nguyên nhân từ góc độ QLNN.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, đề tài: “*QLNN đối với DĐT theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Long An*” rất cấp thiết.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất các giải pháp tăng cường công tác QLNN của chính quyền cấp tỉnh Long An đối với dự án ĐT XD theo phương thức PPP trong xây dựng HTGTĐB trên địa bàn tỉnh.

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận án xác định các mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát: xây dựng luận cứ khoa học làm cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp tăng cường công tác QLNN dự án ĐT XD theo phương thức PPP trong xây dựng HTGTĐB đối với chính quyền cấp tỉnh Long An.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Lược khảo các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án, nhằm xác định khoảng trống nghiên cứu và các vấn đề đi sâu nghiên cứu;

+ Hệ thống hóa cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn về QLNN đối với DAĐT theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong xây dựng HTGTĐB của chính quyền địa phương cấp tỉnh;

- Phân tích, đánh giá thực trạng công tác QLNN của UBND tỉnh Long An đối với DAĐT theo phương thức PPP trong xây dựng HTGTĐB trên địa bàn tỉnh;

- Xây dựng mô hình, thang đo và giả thuyết nghiên cứu nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến công tác QLNN đối với DAĐT theo phương thức PPP trong xây dựng HTGTĐB tại tỉnh Long An, xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhóm nhân tố tới công tác QLNN đối với DAĐT theo phương thức PPP tại tỉnh Long An;

- Đề xuất giải pháp pháp tăng cường QLNN đối với DAĐT theo phương thức PPP trong xây dựng HTGTĐB tại tỉnh Long An.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: công tác QLNN đối với DAĐT theo phương thức PPP trong xây dựng HTGTĐB đối với chính quyền địa phương cấp tỉnh.

Phạm vi nghiên cứu: nghiên cứu công tác QLNN của UBND tỉnh Long An đối với DAĐT theo phương thức PPP trong xây dựng HTGTĐB trên địa bàn tỉnh và tham khảo tình hình thực hiện dự án PPP của một số địa phương khác giai đoạn 2010-2023.

4. Phương pháp nghiên cứu

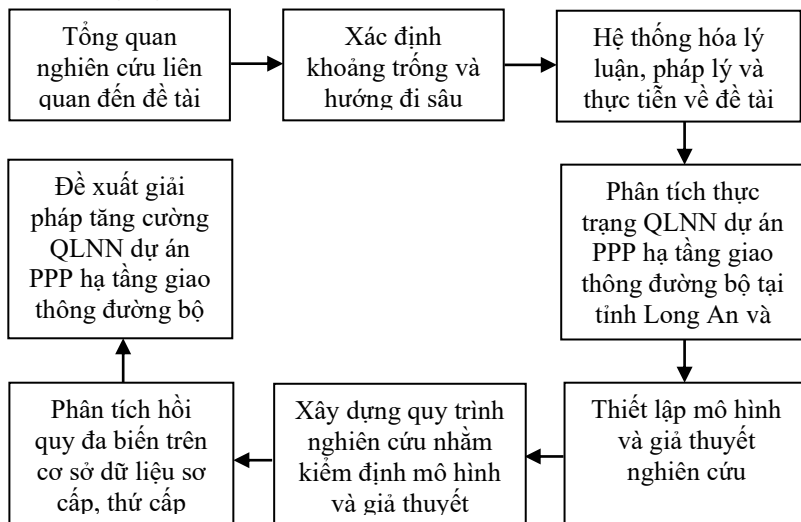
Luận án sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu tại bàn; Phương pháp tổng hợp, so sánh và phân tích; Phương pháp nghiên cứu định tính (PP chuyên gia; PP điều tra, khảo sát); Phương pháp nghiên cứu định lượng.

5. Cách tiếp cận và khung nghiên cứu của luận án

5.1. Cách tiếp cận

Tiếp cận các vấn đề nghiên cứu theo các chức năng QLNN của chính quyền địa phương đối với các DAĐT theo phương thức PPP.

5.2. Khung nghiên cứu của luận án



Hình 1: Khung nghiên cứu của luận án

6. Các đóng góp khoa học mới của luận án

- Luận án đề xuất những vấn đề chính cần quan tâm giải quyết trong quá trình QLNN nhằm đảm bảo DAĐT xây dựng HTGTĐB theo hình thức PPP tại Long An

- Phương pháp nghiên cứu thông qua thực tiễn để củng cố cơ sở lý luận về phương thức đầu tư PPP, nhằm bổ sung những luận cứ mới mà các nghiên cứu trước đây chưa đề cập đến

- Luận án đề xuất quan điểm, định hướng và giải pháp của UBND tỉnh Long An nhằm tăng cường năng lực QLNN đối với DAĐT xây dựng HTGTĐB theo phương thức PPP đến 2030.

- Luận án đề xuất mô hình QLNN tách rời QLKD nhằm đảm bảo tính bình đẳng và minh bạch trong đấu thầu và hiệu quả đầu tư.

7. Cấu trúc luận án

Nội dung luận án gồm 3 chương và minh họa bởi 18 bảng số liệu, 10 hình vẽ, 3 phụ lục cùng với 06 công trình nghiên cứu đã công bố và danh mục 142 tài liệu tham khảo.

Chương 1: TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan

1.1.1 Về thể chế chính sách trong quản lý nhà nước: các nghiên cứu của tác giả Yescombe, 2007; Maluleka, K.J. 2008, Cuttaree (2008), Pascual (2008), Ward, J.T. and Sussman J.M. (2005) và các tác giả trong nước như Ủy ban Kinh tế Quốc hội và UNDP (2014), Phan Thị Bích Nguyệt (2013), Phạm Dương Phương Thảo (2013)

1.1.2 Về quản lý nhà nước trong thực hiện dự án: Maluleke (2008), Sader (2000), Nyagwachi và Smallwood (2006), Akintoye. A và cộng sự (2003), Nyagwachi. J. N. and Smallwood. J. J (2007), trong nước gồm Bùi Minh Huân (2008), Ngô Thế Vinh (2015), Phạm Diễm Hằng (2018), Nguyễn Thị Hồng Minh (2016), Hoàng Anh Tuấn (2019), Lê Quang Tùng (2023)

1.1.3 Về quản lý và huy động nguồn lực tài chính: có một số tác giả như Đặng Thị Hà (2013), Hoàng Cao Liêm (2013). Các tác giả nước ngoài như Afriyie G.O (2010), Agyemang.P.F.K (2011), Shedy.R và cộng sự (2011), thực tiễn ở Anh Quốc

1.1.4 Về quản lý rủi ro trong quá trình thực hiện: được đề cập trong nghiên cứu của tác giả Thân Thanh Sơn (2015), Lê Hương Linh và cộng sự (2017), Phạm Thị Trang (2019), hay tác giả Sader (2000)

1.1.5 Về quản lý giai đoạn khai thác công trình: được nêu trong các công trình nghiên cứu của tác giả Nghiêm Văn Dĩnh, Nguyễn Quỳnh Sang (2009), Lê Mạnh Tường (2016), Trần Trung Kiên, (2019)

1.1.6 Về quản lý các vấn đề liên quan đến môi trường đầu tư: vấn đề này đã được nêu ở nhóm tác giả Huang Y, Bird R, Bell M, ADB, 2008; Li,B. and Akintoye, A., 2003. Tuy nhiên, QLNN chưa quan tâm nhiều tới việc nghiên cứu hình thức PPP từ góc độ môi trường và an sinh xã hội, gần đây có bài báo của GS. Nguyễn Ngọc Trân

Nhìn chung, chưa có công trình nghiên cứu một cách hệ thống, đầy đủ các nội dung của QLNN đối với DAĐT xây dựng HTGTĐB theo phương thức PPP của chính quyền địa phương tỉnh Long An.

1.2. Kết luận rút ra từ tổng quan các nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án

Động lực tham gia của khu vực tư nhân vào PPP được quyết định bởi mục tiêu lợi nhuận, cơ hội kinh doanh mới.

Nhà nước có vai trò quyết định trong phát triển của PPP, cần tạo môi trường thuận tiện về khung pháp lý, cơ chế chính sách, các quy định pháp luật thống nhất, thủ tục đấu thầu, cơ cấu nguồn vốn cũng như hệ thống công cụ tài chính.

Cơ chế minh bạch để huy động vốn đầu tư ngoài NSNN.

Ban hành các chính sách khuyến khích khu vực tư nhân tham gia đầu tư phát triển HTGTĐB.

1.3. Khoảng trống nghiên cứu và hướng đi sâu nghiên cứu

1.3.1. Xác định khoảng trống nghiên cứu

- Tính khả thi khi áp dụng kinh nghiệm quản lý của các nước về công tác QLNN đối với các DĐT theo phương thức PPP

- Giải pháp vận dụng, triển khai trong thực tiễn nhằm quản lý các DĐT theo phương thức PPP trong xây dựng CSHTGT tại tỉnh Long An đạt hiệu quả.

- Xây dựng và hướng dẫn sử dụng khung logic các nội dung, các yếu tố tác động, tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động QLNN

1.3.2. Các vấn đề đi sâu nghiên cứu

Luận án đi sâu nghiên cứu công tác QLNN đối với DĐT theo phương thức PPP trong xây dựng HTGTĐB tại Long An nhằm tạo động lực thúc đẩy quá trình QLDA PPP chuyên nghiệp, hiệu quả hơn, có sức hấp dẫn cao trong thu hút đầu tư.

Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN, PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP) TRONG XÂY DỰNG HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

2.1. Cơ sở lý luận về đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) và QLNN đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ

2.1.1. Những vấn đề cơ bản về phương thức đối tác công tư (PPP), các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)

Luật Đầu tư PPP (Luật 64/2020/QH14) khái niệm về đầu tư PPP: *“Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) là phương thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp tác có thời hạn giữa nhà nước và NĐT tư nhân thông qua việc ký kết và thực hiện hợp đồng dự án PPP nhằm thu hút NĐT tư nhân tham gia dự án PPP”*.

❖ *Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư*: định nghĩa về "Dự án PPP" được giải thích tại Khoản 9 Điều 3 Luật PPP

❖ *Đặc điểm của DAĐT theo phương thức đối tác công tư*

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, NĐT cùng doanh nghiệp tư nhân là chủ thể tham gia hợp đồng PPP.

- Khu vực tư nhân chịu trách nhiệm thực hiện hoặc vận hành dự án và gánh phần lớn rủi ro dự án có liên quan.

- Khu vực nhà nước có vai trò giám sát hoạt động của khu vực tư nhân và thực thi các điều khoản của hợp đồng

- Chi phí của khu vực tư nhân có thể được thu hồi thông qua thanh toán từ nhà nước.

- Các khoản thanh toán của nhà nước dựa trên thỏa mãn các tiêu chuẩn thực hiện được ghi trong hợp đồng.

- Khu vực tư nhân sẽ đóng góp phần lớn chi phí vốn của dự án.

- Hợp đồng PPP liên quan đến công trình KCHT và dịch vụ công.

- Mỗi một dự án PPP sẽ có một loại hợp đồng phù hợp với các đặc điểm cũng như yêu cầu cụ thể được quy định tại Luật PPP.

2.1.2. Cơ sở lý luận về QLNN đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ

2.1.2.1. Các khái niệm

a. QLNN là hoạt động tổ chức, điều hành của cả bộ máy nhà nước, là sự tác động, tổ chức của quyền lực nhà nước trên các phương diện lập pháp, hành pháp và tư pháp.

b. QLNN đối với DAĐT theo phương thức PPP là sự tác động có tổ chức, theo hệ thống và điều chỉnh bằng quyền lực pháp luật nhà nước do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện đối với DAĐT theo phương thức PPP.

c. Khái niệm DAĐT theo phương thức đối tác công tư trong xây dựng HTGTĐB là dự án đầu tư xây dựng được thực hiện trên cơ sở

hợp đồng giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chủ đầu tư/DNDA, để thực hiện dự án cơ sở hạ tầng.

d. QLNN các DAĐT PPP trong xây dựng HTGTĐB là sự tác động có tổ chức và bằng pháp quyền của nhà nước từ việc hình thành, thực hiện và khai thác DAĐT theo hình thức PPP trong xây dựng HTGTĐB thông qua hoạch định phát triển, ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách và pháp luật, tổ chức bộ máy QLNN và giám sát, đánh giá đối với dự án nhằm thực hiện các mục tiêu QLNN đối với DAĐT theo hình thức PPP trong xây dựng HTGTĐB.

2.1.2.2. Sự cần thiết phải quản lý nhà nước các dự án đầu tư theo phương thức PPP trong xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ

Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong phát triển và quản lý các dự án PPP xây dựng HTGTĐB:

- QLNN thực hiện chức năng hoạch định sự phát triển của dự án.
- QLNN thực hiện chức năng thiết lập và tổ chức thực thi chính sách - luật pháp
- QLNN thực hiện chức năng tổ chức.
- QLNN thực hiện chức năng kiểm soát.
- Cơ chế kiểm soát của nhà nước về mặt tài chính.

➤ Các dự án PPP vốn là một cơ chế phức hợp cả về chính sách, pháp luật, tài chính và quản trị.

2.1.2.3. Đặc điểm của quản lý nhà nước các dự án đầu tư theo phương thức PPP trong xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ

- QLNN không tham gia về mặt tài chính, tất cả chi phí thông qua hợp đồng hợp tác công tư.
- Có tính mục đích, xây dựng kế hoạch lâu dài và giám sát hiệu suất thay vì tham gia vào việc cung cấp dịch vụ hàng ngày.
- QLNN phải sâu sát toàn bộ vòng đời dự án và buộc khu vực công phải lựa chọn cách thức cung cấp và thanh toán dịch vụ.

2.1.2.4. Yêu cầu của quản lý nhà nước các dự án đầu tư theo phương thức PPP trong xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ

- Phù hợp chiến lược, kế hoạch phát triển KT-XH của quốc gia và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Bảo đảm quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhà nước.
- Thực hiện hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhà nước, giám sát dự án PPP phải bảo đảm không làm cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh bình thường của NĐT/DNDA PPP.
- Bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng, bền vững, hiệu quả.
- Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, NĐT và cộng đồng.

2.1.2.5. Nội dung của quản lý nhà nước các dự án đầu tư theo phương thức PPP trong xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ

a. Xây dựng quy hoạch/kế hoạch cấp tỉnh các DADT theo phương thức PPP trong xây dựng HTGTĐB.

b. Tổ chức thực hiện

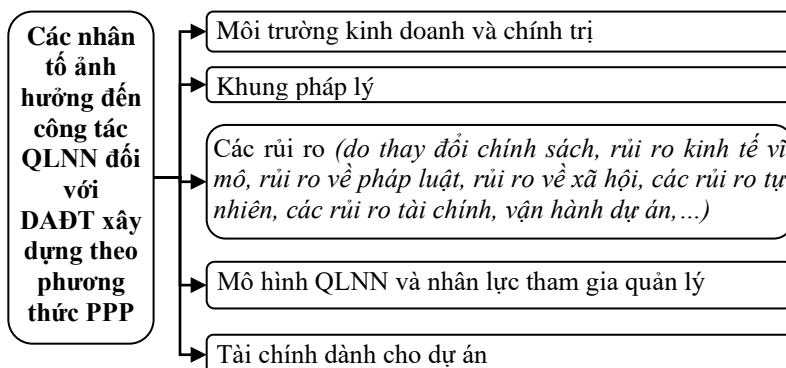
- Thiết lập hệ thống văn bản QPPL phù hợp phân cấp địa phương.
- Bộ máy QLNN phân tích theo các thuộc tính cơ bản là mức độ chuyên môn hóa, phân cấp quản lý, quyền hạn và sự phối hợp.
- Bộ máy tổ chức cấp tỉnh phải được thiết lập đảm bảo năng lực kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định, xử lý vi phạm, tranh chấp và giải quyết khiếu nại tố cáo liên quan đến hoạt động đầu tư CSHT.
- Bộ máy chính quyền địa phương xây dựng quy trình và quản lý từng nội dung theo các giai đoạn đầu tư.

c. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các DADT theo phương thức PPP trong xây dựng HTGTĐB

2.1.2.6. Các tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng theo phương thức đối tác công tư: Tiêu chí hiệu lực; Tiêu chí hiệu quả; Tiêu chí phù hợp; Tiêu chí bền vững.

2.1.2.7. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư PPP trong xây hạ tầng giao thông đường bộ

Trên cơ sở lược khảo các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước tại mục 1.1, luận án nhận thấy rằng, có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đến công tác QLNN đối với các DADT PPP trong xây dựng HTGTĐB, do vậy, luận án nhận diện và tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN đối với DADT theo phương thức PPP tại hình 2.1.



Hình 2.1: Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác QLNN cấp địa phương đối với DADT theo phương thức PPP

2.2. Tổng quan thực tiễn về QLNN đối với DADT theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong xây dựng HTGTĐB

2.2.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia

2.2.2.1 Kinh nghiệm của một số nước về quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư HTGTĐB theo phương thức đối tác công tư

Tham khảo kinh nghiệm về PPP của Vương quốc Anh; Hàn Quốc; Philippines; Ấn Độ.

2.2.1.2. Bài học rút ra cho Việt Nam

- Cần có sự đầu tư, thu thập thông tin để có cái nhìn khách quan, toàn diện, tránh tình trạng ban hành văn bản chậm, thiếu thực tiễn.
- Cần tách biệt vai trò QLNN và vai trò QLKD bằng cách thành lập cơ quan đầu mối về PPP.
- Con người tham gia PPP cần đào tạo, nâng cao năng lực QLNN và năng lực quản lý của NĐT/DNDA
- Phân chia rủi ro hợp lý giữa nhà nước và NĐT/DNDA dựa trên nguyên tắc “Bình đẳng - Tối ưu hóa rủi ro”.
- Xây dựng hệ thống công cụ tài chính hữu hiệu hỗ trợ NĐT.
- Tạo điều kiện thu hút NĐT/DNDA thông qua các chính sách.

2.2.2. Thực tiễn Việt Nam và kinh nghiệm một số tỉnh, thành phố

2.2.2.1. Thực trạng đầu tư dự án PPP trong lĩnh vực giao thông

Bảng 2.2: Hợp đồng dự án PPP giao thông theo lĩnh vực

STT	Lĩnh vực đầu tư	Số lượng (dự án)	Tổng vốn (tỷ đồng)
1	Dự án đường bộ	211	656.877
2	Dự án hàng không	03	11.176
3	Dự án hàng hải	03	1.340
4	Dự án đường thủy	02	1.428
5	Dự án đặc thù	01	1.524
	TỔNG CỘNG	220	672.345

- Có đến 49 dự án doanh thu thấp hơn dự kiến, chỉ đạt 50% - 80% dự toán. Thậm chí, 04 dự án chưa được thu phí hoặc phải dừng thu phí tại các trạm, một số dự án chỉ thu được 13% - 15% dự toán.

- Giảm cạnh tranh, thiếu minh bạch, gây dư luận không tốt: không công bố danh mục dự án, không đăng thông tin kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định.

- Gây thất thoát tài sản công, mất niềm tin của cộng đồng: quá trình quản lý và kiểm soát các dự án còn nhiều bất cập, khoảng trống, ở tất cả các giai đoạn của quá trình đầu tư.

2.2.2.2. Thực trạng triển khai dự án PPP do Trung Ương quản lý

Phân tích các dự án cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 và 2021 - 2025 cho thấy *tính minh bạch dự án chưa được thực hiện, có sự phản đối của công luận, quá trình quản lý và kiểm soát dự án còn nhiều bất cập, mất an toàn giao thông.*

2.2.2.3. Thực trạng triển khai một số dự án cấp tỉnh quản lý

Phân tích một số dự án tại tỉnh Tiền Giang, dự án cầu Phú Mỹ (TP.HCM) cho thấy các dự án còn nhiều bất cập như: *Năng lực NĐT không đảm bảo; Chính sách thu phí; Thiết kế không có làn khẩn cấp, gây mất ATGT; Vị trí đặt trạm thu phí bất hợp lý;*

2.2.3. Nguyên nhân các tồn tại trong công tác QLNN đối với DADT xây dựng HTGTĐB theo hình thức đối tác công tư

(1) Hệ thống văn bản pháp lý QLNN về DADT phát triển HTGT theo hình thức PPP liên tục thay đổi.

(2) Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước cho dự án đầu tư phát triển hạ tầng giao thông theo hình thức PPP chưa phù hợp

(3) Hạn chế về năng lực con người tham gia quản lý về PPP

(4) Công cụ hỗ trợ tài chính chưa hiệu quả

- (5) Công tác thẩm định giai đoạn chuẩn bị dự án không hiệu quả
- (6) Công tác quản lý môi trường chưa được quan tâm
- (7) Công tác quản lý vận hành, khai thác, bảo trì bảo dưỡng
- (8) Công tác quản lý rủi ro chưa được thường xuyên

Chương 3: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP) TRONG XÂY DỰNG HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN

3.1. Tổng quan tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Long An

- Diện tích tự nhiên 449.194,49 ha, dân số gần 1,7 triệu người, 15 đơn vị hành chính bao gồm 13 huyện, 1 thị xã và 1 thành phố.

- Tỉnh Long An là cửa ngõ nối liền Đông Nam Bộ với ĐBSCL, có đường ranh giới quốc gia với Campuchia với hai cửa khẩu Bình Hiệp (Mộc Hóa) và Tho Mo (Đức Huệ), có chung đường ranh giới với TP.HCM, và hai hệ thống sông Mê Kông và Đồng Nai.

- Tình hình KT-XH tỉnh Long An còn nhiều khó khăn, hạn chế.

3.2. Thực trạng dự án đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ tại tỉnh Long An theo phương thức đối tác công tư

3.2.1. Dự án nâng cấp mở rộng ĐT830 và ĐT824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hòa tỉnh Long An

Triển khai thi công năm 2016, được gia hạn thời gian thi công 02 lần, hoàn thành đưa vào sử dụng thu phí 6/2018.

Bảng 3.4: TMDT thay đổi của dự án nâng cấp mở rộng ĐT830 và ĐT824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hòa tỉnh Long An

STT	Khoản mục chi phí	QĐ số 2346/QĐ-UBND ngày 10/6/2016	QĐ số 3026/QĐ-UBND ngày 21/7/2016	Chênh lệch
1	Chi phí xây dựng	672.543.806.837	760.719.682.080	88.175.875.243
2	Chi phí QLDA, tư vấn ĐTXD & Chi phí khác	67.254.380.683	76.071.968.208	8.817.587.525
3	Chi phí GPMB	66.512.606.299	66.512.606.299	-
4	Chi phí dự phòng	119.871.982.200	119.236.161.869	(635.820.331)
5	Chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng	56.490.000.000	56.786.655.293	296.655.293
	Tổng cộng (làm tròn)	982.673.000.000	1.079.327.000.000	96.654.000.000

3.2.1.2. Cháp hành pháp luật, chính sách, chế độ trong quản lý đầu tư

Phù hợp của dự án với quy hoạch được duyệt, phù hợp thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối hạ tầng. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thiết kế: dự án áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 5273/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 làm cơ sở triển khai thực hiện.

3.2.1.3. Chức năng nhiệm vụ đại diện cơ quan QLNN có thẩm quyền

- Công tác lựa chọn NĐT tuân thủ theo quy định.
- Hình thức sơ tuyển NĐT: rộng rãi trong nước.
- Hình thức lựa chọn NĐT: chỉ định NĐT.
- Điều kiện năng lực cá nhân tham gia đảm bảo theo quy định

Trên cơ sở đàm phán hợp đồng ngày 07/11/2016, Ký kết hợp đồng BOT số 49/HĐ.BOT.SGTVT ngày 14/11/2016 giữa Sở GTVT tỉnh Long An và Liên danh Băng Dương-Capital.

3.2.2. Dự án Cao tốc TP.HCM - Trung Lương thuộc địa phận tỉnh Long An

Dự án khởi công năm 2004, thông xe năm 2010 và tổ chức thu phí từ năm 2011. Sau đó được bán quyền thu phí trong giai đoạn 2014 - 2018. Từ đầu năm 2019 tới nay, tuyến cao tốc này không thu phí.

Quá trình triển khai thực hiện dự án, tỉnh Long An đã phối hợp với Bộ GTVT và đơn vị liên quan thực hiện công tác đền bù, GPMB, tái định cư theo quy hoạch và phương án được duyệt. Sau khi dự án hoàn thành, tỉnh Long An đã tiếp nhận QLKT, duy tu bảo trì 30,03 km đường gom dân sinh; 8 cầu trên đường ngang vượt tuyến cao tốc; 3 hầm chui dân sinh; mở rộng ĐT.830 và QL.62 tại khu vực nút giao.

Sau khi dừng thu phí (năm 2019), tuyến cao tốc TP.HCM - Trung Lương xuống cấp nghiêm trọng, năng lực thông hành không đảm bảo do nhu cầu vận tải lớn, đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương thực hiện dự án cao tốc TP.HCM - Trung Lương giai đoạn 2 bằng nguồn vốn NSNN hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác.

3.3. Thực trạng công tác QLNN đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An

3.3.1. Lập chiến lược xây dựng các công trình hạ tầng giao thông đường bộ từ cấp Trung ương đến cấp tỉnh

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Long An xác định chiến lược của tỉnh là đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiệu quả.

- Đại hội XI Đảng bộ tỉnh Long An xác định huy động mọi nguồn lực xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông đồng bộ. Theo đó, 8 công trình trong chương trình đột phá về lĩnh vực HTGT.

3.3.2. Xây dựng quy hoạch/kế hoạch các DADT theo phương thức PPP trong xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ tại tỉnh Long An

- Quy hoạch giao thông tỉnh Long An cũng nằm trong đề án quy hoạch chiến lược phát triển Long An 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

- Kế hoạch trung hạn 2021-2025 của HĐND, Sở GTVT phối hợp đơn vị liên quan thực hiện thủ tục đề xuất chủ trương đầu tư.

3.3.3. Thực trạng triển khai tổ chức thực hiện

3.3.3.1. Thực trạng công tác triển khai văn bản, quy phạm pháp luật tại tỉnh Long An

Đã triển khai bằng nhiều hình thức, tuy nhiên, chưa có đơn vị phụ trách chuyên nghiệp để triển khai

3.3.3.2. Tổ chức bộ máy QLNN: chưa hoàn chỉnh, chưa mạnh dạn giao quyền các địa phương, cải cách hành chính còn phải điều chỉnh.

3.3.3.3 Thực trạng quản lý từng nội dung theo các giai đoạn đầu tư

- Năng lực QLNN đối với công tác chuẩn bị đầu tư: Khó khăn do ít kinh nghiệm; Chưa thấy hết cơ hội có doanh thu; Các bài thầu chưa hấp dẫn; Đàm phán kéo dài; Lập gói thầu thuê tư vấn còn lúng túng.

- Công tác lựa chọn nhà đầu tư tại tỉnh Long An: giải quyết kiến nghị trong lựa chọn NĐT trên địa bàn tỉnh chưa có kinh nghiệm, phải tham khảo và rút kinh nghiệm các dự án thuộc địa bàn khác.

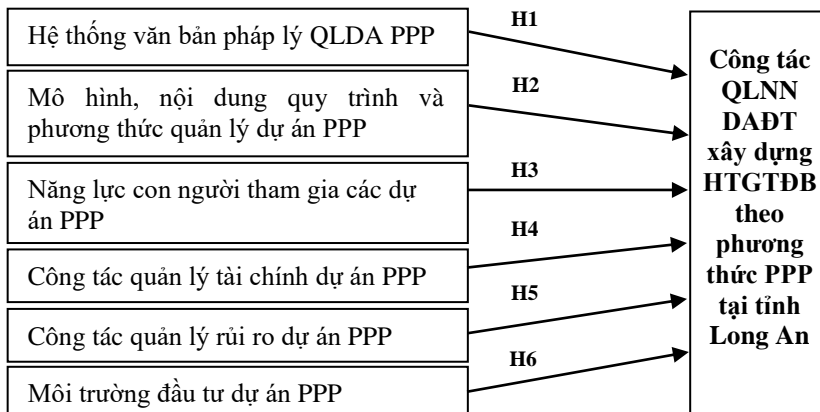
- Công tác vận hành, khai thác dự án PPP tại Long An: quá trình quản lý vận hành, khai thác phải nhiều lần điều chỉnh về chi phí vận hành, lãi suất, phương án thu phí,...

- Công tác quản lý rủi ro: nhiều rủi ro tiềm ẩn do sự thay đổi chính sách, về xã hội, tự nhiên, tài chính, về vận hành dự án.

3.3.4. Thực trạng công tác thanh tra, giám sát

Mặc dù từng giai đoạn thực hiện dự án đều được triển khai giám sát, tuy nhiên một số công tác vẫn chưa được quan tâm giám sát thường xuyên, chưa kịp thời phát hiện các vấn đề vướng mắc, gây ảnh hưởng đến hiệu quả QLNN

3.4. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến công tác QLNN của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An đối với DADT trong xây dựng HTGTĐB theo phương thức PPP trên địa bàn tỉnh Long An



Hình 3.1: Mô hình nghiên cứu đề xuất và các giả thuyết nghiên cứu

3.4.4 Kết quả phân tích hồi quy

$$\text{QLNN DA PPP} = 0.299 \cdot \text{HTVB} + 0.285 \cdot \text{MHPT} + 0.282 \cdot \text{NLQL} + 0.159 \cdot \text{QLTC} + 0.121 \cdot \text{MTĐT} + 0.089 \cdot \text{QLRR} \quad (1)$$

Trong đó:

1. HTVB: Hệ thống văn bản pháp lý QLDA PPP.
2. MHPT: Mô hình, nội dung, quy trình và phương thức QLDA PPP.
3. NLQL: Năng lực con người tham gia QLNN các dự án PPP.
4. QLTC: Công tác quản lý tài chính dự án PPP.
5. MTĐT: Môi trường đầu tư dự án PPP
6. QLRR: Công tác quản lý rủi ro dự án PPP.

Chương 4: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

4.1. Định hướng phát triển HTGTĐB tỉnh Long An

4.1.1. Quan điểm phát triển

Phát triển HTGTĐB tỉnh Long An phù hợp với quy hoạch phát triển KT-XH, định hướng phát triển ngành GTVT, chiến lược quy hoạch phát triển GTVT TP.HCM, ĐBSCL và các địa phương lân cận.

4.1.2. Mục tiêu phát triển

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 9,2-10%. Cơ cấu kinh tế: Nông-lâm-thủy sản, công nghiệp-xây dựng, thương mại-dịch vụ đến năm 2025 lần lượt chiếm 10%, 60,5%, 29,5% trong cơ cấu GRDP. GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 115-120 triệu đồng. Tỷ lệ vốn đầu tư xã hội trên GRDP đạt 31-33%. Tỷ lệ tăng thu NSNN bình quân 12%/năm, phấn đấu tăng tỷ lệ chi đầu tư phát triển hằng năm trong tổng chi ngân sách.

4.1.3. Định hướng phát triển HTGTĐB tỉnh Long An giai đoạn 2021-2030

Giao thông đối ngoại: phát triển đường cao tốc TP.HCM-Trung Lương, các trục cao tốc N1, N2 và các tuyến quốc lộ đi qua địa phận tỉnh Long An.

Các đường vành đai: Đường cao tốc Bến Lức - Long Thành; Đường vành đai 4.

Giao thông trong tỉnh: xây dựng mới và nâng cấp mở rộng các tuyến đường tỉnh, đường huyện hiện hữu.

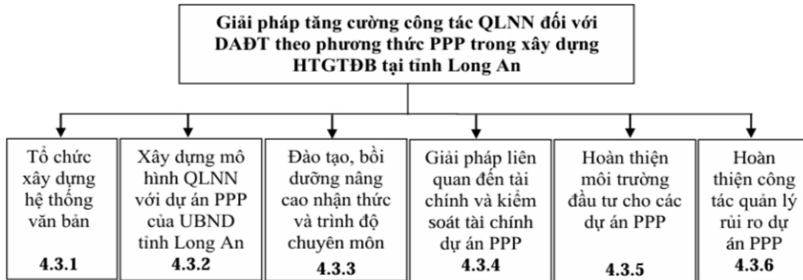
4.1.4. Các dự án chuẩn bị thực hiện theo phương thức PPP

Dự án Vành đai 4; Dự án trục động lực Đức Hòa; Dự án mở rộng đường cao tốc TP.HCM - Trung Lương (Giai đoạn 2; Các dự án dự kiến xin cơ chế đặc thù để thực hiện phương thức PPP.

4.2. Cơ sở xây dựng giải pháp

- Căn cứ Luật đầu tư PPP số 64/2020/QH14 ngày 18/06/2020;
- Định hướng phát triển HTGTĐB tỉnh Long An 2021-2030;
- Thực trạng công tác QLNN đối với DĐT theo phương thức PPP trong xây dựng HTGTĐB của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An;
- Phương trình hồi quy tại mục 3.4.4

4.3. Đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường công tác QLNN của UBND tỉnh Long An đối với DĐT xây dựng HTGTĐB theo phương thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh



Hình 4.1: Giải pháp tăng cường công tác QLNN đối với DAĐT theo phương thức PPP trong xây dựng HTGTĐB tại tỉnh Long An

4.3.1. Giải pháp liên quan đến tổ chức xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn của tỉnh Long An về hoạt động đầu tư theo phương thức (PPP) áp dụng cho lĩnh vực xây dựng HTGTĐB

4.3.1.1. Tăng cường năng lực, trách nhiệm của cơ quan chủ trì xây dựng hệ thống văn bản chính sách dưới luật

- Cần phải có đơn vị riêng, bao gồm các chuyên gia giàu kinh nghiệm, có chuyên môn, thực tiễn, tham gia đóng góp “Hành lang pháp lý” phù hợp thực tiễn nhằm tạo hành lang thông thoáng về thủ tục, cơ chế thực hiện các dự án đầu tư theo phương thức PPP.

- Thiết lập cơ chế giao trách nhiệm, thực hiện đánh giá, kiểm nghiệm qua thực tiễn nhằm hạn chế nhất các vướng mắc, nâng cao hiệu quả QLNN khi áp dụng trong thực tiễn sản xuất của địa phương.

4.3.1.2. Phân cấp QLNN cho các Ngành trong quá trình xây dựng và quản lý thực hiện chính sách pháp luật về phương thức đầu tư PPP

- Sở GTVT ban hành thông tư hướng dẫn về DAĐT theo phương thức PPP lĩnh vực HTGT (trong đó có mẫu hợp đồng BOT đối với các phương thức đầu tư PPP - các điều khoản bắt buộc, phương thức chia sẻ rủi ro các tình tiết lưu ý,...) để áp dụng thống nhất, nhất là các dự án giao thông trọng điểm chuẩn bị đầu tư.

- Sở Tài chính ban hành thông tư hướng dẫn về quản lý và sử dụng chi phí và các khoản thu trong lựa chọn NĐT; phối hợp với các ban, ngành, nhất là Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hướng dẫn khung lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu NĐT và mẫu hợp đồng dự án.

- Các Ban, ngành hướng dẫn chi tiết nội dung trong hoạt động đầu tư theo phương thức PPP thuộc phạm vi quản lý của ban, ngành.

- Ban PPP thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm nghiên cứu, lựa chọn dự án phù hợp để triển khai theo phương thức PPP, sau đó trình UBND phê duyệt.

- UBND tỉnh chỉ đạo lập, thẩm định, phê duyệt Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất, bảo đảm đồng bộ với quy hoạch và Danh mục dự án thu hồi đất, làm cơ sở để xác định hình thức lựa chọn NĐT và thực hiện các thủ tục đầu tư.

4.3.1.3. Thiết lập khung chính sách toàn diện cho phương thức PPP

Tỉnh Long An cần xây dựng cho địa phương một khung chính sách toàn diện cho phương thức PPP, đảm bảo các yêu cầu:

(i) Khung pháp lý đáp ứng khả năng xử lý tính chất và mức độ hỗ trợ của chính phủ cho các dự án PPP giữa các ngành tại tỉnh Long An.

(ii) Thiết lập quan hệ hợp tác công bằng, minh bạch, linh hoạt, có khả năng tiên liệu và đáp ứng cho quan hệ đối tác công tư;

(iii) Xây dựng cơ chế đánh giá, đo lường, giám sát và thẩm định ngay từ đầu xem phương thức PPP có phải là phương án vốn phù hợp hay không, tiên liệu về rủi ro trong GPMB tuân thủ các biện pháp đảm bảo về mặt môi trường và xã hội.

4.3.2. Xây dựng mô hình QLNN của UBND tỉnh Long An đối với DADT xây dựng HTGTĐB theo phương thức (PPP)

4.3.2.1. Hoàn thiện mô hình QLNN về quản lý các DADT theo phương thức PPP tại tỉnh Long An

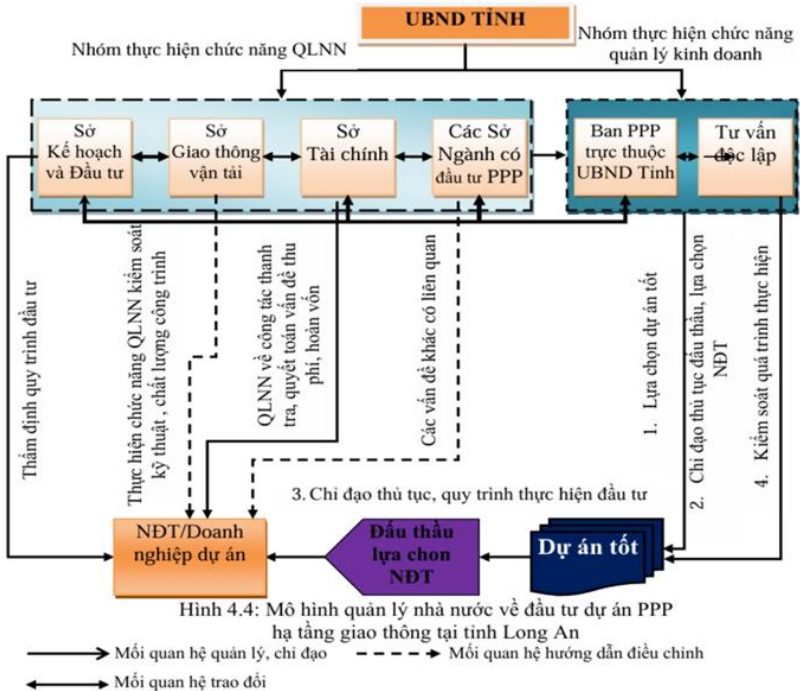
Tỉnh Long An đề xuất Chính phủ thành lập Ban PPP làm đầu mối quản lý hoạt động PPP của địa phương nhằm tăng tính chủ động trong quản lý các dự án PPP như sơ đồ hình 4.4.

Ban PPP chịu trách nhiệm xuyên suốt, từ công tác nghiên cứu tìm dự án tốt và chỉ đạo từ bước lập dự án, thiết kế kỹ thuật, mời thầu, ký hợp đồng và tổ chức các bước thực hiện cũng như việc quản lý quá trình thực hiện, về chuyên môn kỹ thuật, hồ sơ chất lượng (KCS) từng hạng mục và tổng thể như Ban QLDA đầu tư công.

Trách nhiệm QLKD của ban PPP: Ban PPP trực thuộc UBND tỉnh ngoài việc đại diện UBND tỉnh trong công tác nghiên cứu đề xuất dự án tốt, chuẩn bị nguồn vốn đối ứng của nhà nước, QLKD, ký hợp đồng với NĐT, với đơn vị tư vấn độc lập, kiểm soát các vấn đề:

GPMB, bố trí tái định cư và các vấn đề liên quan đến kỹ thuật, chất lượng, chi phí, tiến độ, môi trường...trong suốt vòng đời dự án.

Tiếp đến là công tác lựa chọn và kiểm soát quá trình khai thác nhằm đảm bảo chất lượng kỹ thuật công trình, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường. Khi hết thời hạn khai thác tiến hành quyết toán công trình, bàn giao công trình cho nhà nước.



4.3.2.2. Tăng cường công tác QLNN trong từng giai đoạn đầu tư

UBND tỉnh Long An cần tập trung thực hiện tốt các vấn đề:

(1) Rà soát các dự án theo quy hoạch được duyệt

(2) Tăng cường đánh giá tính hiệu quả KT-XH của dự án

- Tăng cường công tác thẩm định:

+ Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: đặt lợi ích môi trường trên lợi ích ngành, lợi ích địa phương để lựa chọn phương án tốt nhất, không ảnh hưởng môi trường và an sinh của người dân.

+ Thẩm tra các dự án đang chuẩn bị triển khai tại Long An, bao

gồm nội dung: Vị trí dự án; Vật liệu thi công; Thoát nước; An toàn giao thông; Ô nhiễm môi trường.

- Sự tham gia phản biện của các bên: Sở GTVT Long An nghiên cứu ban hành quy chế phản biện độc lập, bắt buộc, công khai với các DAĐT có tính chuyên môn và tính xã hội hóa cao, giá trị đầu tư lớn.

- Rà soát tổng thể hệ thống vị trí đặt trạm phù hợp với khu vực Long An và cơ chế chính sách: Hoàn thiện việc rà soát tổng thể vị trí đặt trạm, chính sách miễn giảm giá tại tất cả các trạm thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ và quản lý doanh thu chặt chẽ để có giải pháp đồng bộ, kịp thời, thống nhất, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa nhà nước, NĐT và người sử dụng. Ban hành tiêu chí thành lập trạm thu phí dịch vụ, xây dựng mức phí phù hợp, áp dụng công nghệ tiên tiến (thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức tự động không dừng).

(3) Triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, chế tài.

- Nâng cao vai trò mỗi tổ chức liên quan tới việc giám sát dự án
+ Các quy định và các yêu cầu rõ ràng hơn của QLNN (cần được ghi trong hợp đồng, tham khảo trong các quy định hoặc điều luật);

+ Xây dựng các cơ quan quản lý chuyên trách;

+ Đào tạo đội ngũ QLNN trên cơ sở vừa hồng vừa chuyên;

+ Xây dựng công cụ QLNN đủ điều kiện tiếp nhận thông tin.

- Cần có đơn vị giám sát PPP thuộc đơn vị độc lập phụ trách: có thể nằm trong một bộ phận độc lập của Chính phủ, hoặc có thể là cơ quan phụ trách dự án PPP độc lập

- Kiểm toán độc lập: công ty kiểm toán cung cấp những đánh giá độc lập về kết quả hoạt động, đem lại độ tin cậy và hỗ trợ cho hoạt động giám sát dự án.

- Tăng cường công tác giám sát cộng đồng: tuyên truyền giải thích vận động nhân dân nắm bắt chủ trương, chính sách, pháp luật, lợi ích từ việc thực hiện chủ trương xây dựng HTGT theo phương thức PPP

- Tăng cường công tác truyền thông: nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, trung thực theo quy định của pháp luật về các DAĐT theo phương thức PPP.

4.3.3. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức và trình độ chuyên môn về quản lý dự án PPP

UBND tỉnh Long An tiến hành đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức và trình độ chuyên môn về QLDA PPP cho các đối tượng: Đội ngũ xây dựng chính sách tại tỉnh; Cán bộ cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại tỉnh Long An; Cán bộ tham gia QLDA với tư cách của người đại diện phần vốn nhà nước tại địa phương; Đội ngũ cán bộ lập dự án; Đội ngũ thẩm định dự án; Đội ngũ kiểm soát, đánh giá dự án.

Các cán bộ quản lý PPP cần được đào tạo trên các phương diện: Năng lực tổng hợp và tham vấn ý kiến; Năng lực thẩm định và quản lý tài chính; Năng lực giám sát và quản lý hợp đồng PPP.

4.3.4. Giải pháp liên quan đến tài chính và kiểm soát tài chính dự án PPP trong xây dựng HTGTĐB

4.3.4.1. Hoàn thiện và kiểm soát các cơ chế tài chính

a. Hoàn thiện cơ chế tài chính ngân sách đối với dự án PPP:

- Nhà nước nghiên cứu bố trí nguồn vốn ngân sách đối ứng tập trung ở Trung ương dành riêng cho các dự án PPP và phân bổ cho các địa phương theo từng kỳ.

- Đề xuất tỷ lệ lãi vay của NĐT cho dự án được ưu tiên
- Xây dựng cơ chế huy động nguồn vốn cho NĐT
- Xây dựng các quy định về phương thức, điều kiện thanh toán cho NĐT/DNDA với phần vốn của nhà nước.

b. Kiểm soát cơ chế quản lý vốn DADT theo phương thức PPP:

- Tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình
- Hạn chế sự xâm lấn lợi ích công
- Giảm thiểu tối đa tình trạng lợi ích nhóm

4.3.4.2. Xây dựng hành lang bảo vệ vốn bằng tổ chức tín dụng

Luật PPP cần có những điều khoản quy định cho tổ chức tín dụng có trách nhiệm như sau:

- Số tiền cho vay nằm trong khoảng 80-90% phần vốn phải trả cho chủ thể cung cấp vật liệu, thiết bị,... đã đưa vào công trình và ngân hàng phải chịu tính xác thực về số chứng từ đó.

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Ban PPP), tư vấn giám sát độc lập, phối kết hợp với ngân hàng để xác nhận khoản vay này được đưa vào công trường.

4.3.5. Hoàn thiện môi trường đầu tư cho các dự án PPP

4.3.5.1. Cải thiện môi trường đầu tư

Bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng và cạnh tranh bình đẳng, minh bạch, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tạo lập, củng cố và nâng cao niềm tin của doanh nghiệp.

Cam kết tuân thủ nghiêm ngặt hợp đồng đã ký kết, bảo đảm quyền và lợi ích của các bên đối với thỏa thuận PPP, giảm rủi ro đối với NĐT về sự thay đổi chính sách.

4.3.5.2. Hoàn thiện bộ máy thực hiện quản lý đầu tư của đơn vị xúc tiến đầu tư

Nghiên cứu đổi mới phương thức hoạt động của đơn vị xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, đa dạng các hình thức xúc tiến đầu tư. Chuyển từ thu hút đầu tư bị động sang thu hút đầu tư chủ động và có chọn lọc các DADT

4.3.5.3. Hỗ trợ các nhà đầu tư giải quyết các khó khăn, vướng mắc

Xử lý những thông tin phản ánh của doanh nghiệp, NĐT về các điều kiện không thuận lợi khi thực hiện dự án. UBND tỉnh Long An thực hiện chế độ công khai, minh bạch giải quyết các công việc có liên quan tới doanh nghiệp, nhà đầu tư của các cơ quan địa phương.

4.3.6. Hoàn thiện công tác quản lý rủi ro dự án PPP

1. Giai đoạn thực hiện dự án:

- Nhận diện rủi ro có thể xảy ra kể cả khách quan, chủ quan
- Phân tích rủi ro và xác định chủ thể chịu trách nhiệm
- Theo dõi chặt chẽ các quá trình thực hiện dự án nhằm sớm phát hiện rủi ro có thể xảy ra, lên phương án xử lý ngăn chặn kịp thời
- Xác định và phân bổ chủ thể chịu trách nhiệm trước khi quyết toán khối lượng xây dựng.

2. Giai đoạn khai thác công trình:

- Xây dựng quy trình thực hiện trước khi khai thác

- Rủi ro xảy ra trong các giai đoạn kể cả thu phí thử nghiệm.
- Phân bổ rủi ro về kỹ thuật và tài chính
- Quyết toán rủi ro vào quyết toán công trình (bảng 4.1)

Bảng 4.1: Bảng xác định và phân bổ trách nhiệm rủi ro

TT	Tên rủi ro	Nguyên nhân xảy ra		Chủ thể chịu trách nhiệm			Phương án giải quyết			Biên bản chia sẻ trách nhiệm
		Khách quan	Chủ quan	Nhà đầu tư	Cơ quan NN có thẩm quyền	Đồng trách nhiệm	Nhà đầu tư	Cơ quan NN có thẩm quyền	% trách nhiệm khác	

Từ bảng 4.1, cho thấy nếu trước khi ký hợp đồng cả hai chủ thể là cơ quan nhà nước có thẩm quyền và NĐT, DNDA đã nhận diện và thống nhất trong hợp đồng đã ký kết thì phương án giải quyết dễ dàng vì các bên đều phải xác định được trách nhiệm và chủ động phương án giải quyết.

4.4. Đánh giá tính khoa học và khả thi của giải pháp

Bảng 4.2: Kết quả đánh giá tính khoa học và tính khả thi của các nhóm giải pháp

Tính khoa học			Hệ thống giải pháp hoàn thiện QLNN đối với DADT theo phương thức đối tác công tư trong xây dựng HTGTĐB trên địa bàn tỉnh Long An	Tính khả thi		
Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ tự ưu tiên		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ tự ưu tiên
3.62	0.934	1	Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý phương thức đầu tư PPP	3.64	0.869	1
3.37	0.836	4	Xây dựng công cụ tài chính và kiểm soát tài chính dự án PPP	3.46	0.850	3
3.30	0.804	5	Nâng cao trình độ chuyên môn, nhận thức của con người tham gia PPP	3.52	0.870	2
3.58	0.929	2	Hoàn thiện mô hình nội dung và phương thức quản lý	3.34	0.826	4
3.47	0.832	3	Hoàn thiện môi trường đầu tư cho các dự án PPP	3.32	0.776	5
3.18	0.816	6	Quản lý rủi ro dự án PPP	3.23	0.772	6
3.42				3.41		

Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên kết quả khảo sát

Mỗi giải pháp có mục tiêu, ý nghĩa riêng, nhưng các giải pháp đều hướng đến mục đích là tăng cường công tác QLNN đối với DADT xây dựng HTGT theo hình thức PPP tại tỉnh Long An.

KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Luận án đã đạt được một số kết quả nghiên cứu sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn về QLNN đối với DAĐT theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong xây dựng HTGTĐB của chính quyền địa phương cấp tỉnh;

- Phân tích, đánh giá thực trạng công tác QLNN của UBND tỉnh Long An đối với DAĐT theo phương thức PPP trong xây dựng HTGTĐB trên địa bàn tỉnh; làm rõ những tồn tại, hạn chế của chính quyền tỉnh Long An trong quá trình quản lý thực hiện dự án PPP.

- Xây dựng mô hình, thang đo và giả thuyết nghiên cứu, xác định 6 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến công tác QLNN đối với DAĐT PPP về HTGTĐB tại tỉnh Long An, thông qua kết quả phân tích hồi quy:

$$QLNN\ DA\ PPP = 0.299*HTVB + 0.285*MHPT + 0.282*NLQL + 0.159*QLTC + 0.121*MTĐT + 0.089*QLRR$$

- Đề xuất 6 nhóm giải pháp pháp mang tính khoa học và khả thi nhằm tăng cường công tác QLNN đối với DAĐT theo phương thức PPP trong xây dựng HTGTĐB tại tỉnh Long An, bao gồm:

- + Giải pháp liên quan đến tổ chức xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn của tỉnh Long An về hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) áp dụng cho lĩnh vực xây dựng HTGTĐB;

- + Xây dựng mô hình QLNN của UBND tỉnh Long An đối với DAĐT xây dựng HTGTĐB theo phương thức đối tác công tư (PPP);

- + Giải pháp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức và trình độ chuyên môn về quản lý dự án PPP;

- + Giải pháp liên quan đến tài chính và kiểm soát tài chính dự án PPP trong xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ;

- + Hoàn thiện môi trường đầu tư cho các dự án PPP;

- + Hoàn thiện công tác quản lý rủi ro dự án PPP.

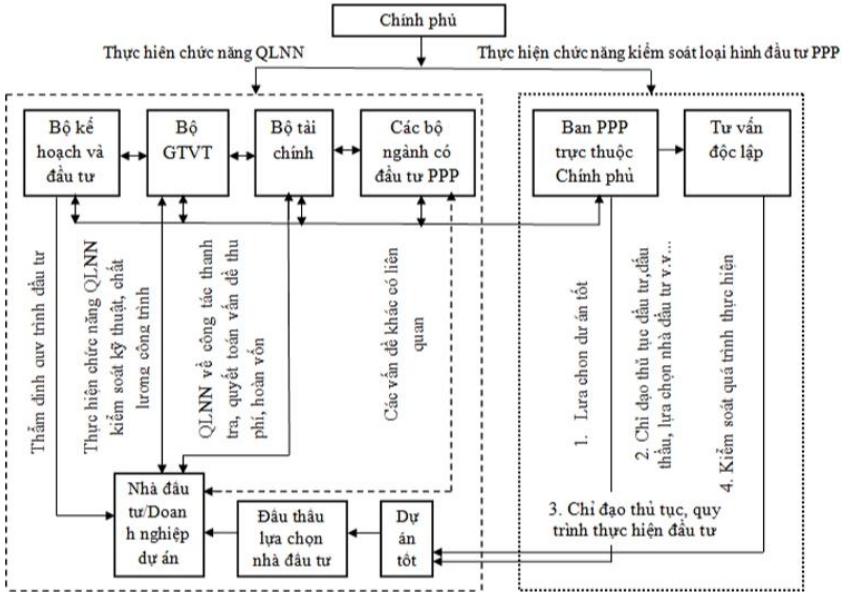
2. Kiến nghị

Nhằm kiểm soát và tăng tính thu hút phương thức đầu tư PPP, tác giả kiến nghị:

(1) Hoàn thiện chính sách, pháp luật về đầu tư và dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư cấp Trung ương

(2) Tăng cường chức năng quản lý nhà nước đối với dự án PPP HTGTĐB các cấp

Xây dựng mô hình tại hình 4.7 nhằm thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo ngành dọc; để phát huy vai trò tham mưu và hướng dẫn của Trung Ương đến các địa phương.



Hình 4.7: Mô hình đề xuất QLNN cấp Trung ương

- Mọi quan hệ quản lý, chỉ đạo
- - - -> Mọi quan hệ hướng dẫn điều chỉnh
- ↔ Mọi quan hệ trao đổi
- (dashed box) Nhóm thực hiện chức năng QLNN
- ⋯ (dotted box) Nhóm thực hiện chức năng kiểm soát đầu tư

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

Tiếng Việt

1. Báo cáo nghiệm thu đề tài Khoa học cấp tỉnh Long An (2022), ***“Đề xuất mô hình quản lý nhà nước nhằm tăng cường khả năng kiểm soát đầu tư theo hình thức đối tác công tư - áp dụng cho hợp đồng BOT hạ tầng giao thông đường bộ tại tỉnh Long An”***, Chủ nhiệm đề tài Đặng Hoàng Tuấn.
2. Đặng Hoàng Tuấn, Lê Khánh Linh (2024), ***“Đánh giá hiệu quả đầu tư các dự án cao tốc phía Đông của Việt Nam và việc áp dụng phương thức BOT giai đoạn 2017 đến nay”***, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Viện Chiến lược phát triển - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tháng 05/2024, e-ISSN: 2734-9365.

Tiếng Anh

3. Le Manh Tuong, Le Hoai Linh, Dang Hoang Tuan, Le Phi Vu (2021), ***Assessment on Vietnam’s Transport Infrastructure Development Investment under the mode of Public-Private Partnership - Proposing Solutions***, International Journal of Scientific Research in Civil Engineering, September-October-2021, 5 (5) : 156-163.
4. Le Manh Tuong, Le Hoai Linh, Dang Hoang Tuan, Le Phi Vu (2022), ***The Transport Infrastructure Investment in form of Public-Private Partnership in Vietnam - Current Situations and Recommendations***, International Journal of Engineering Research & Technology (IJERT), ISSN: 2278-0181, Vol. 11, Issue 05, May – 2022, 374-379.
5. Tuan Hoang Dang, Linh Hoai Le, Khuyen Hoang Nguyen, Vu Phi Le, Tuong Manh Le (2022), ***Solution to complete state management for road traffic in frastructure investment in BOT form***, International Journal of Scientific Research in Science, Engineering and Technology, July-August-2022, 9 (4) : 361-380.
6. Tuan Hoang Dang, Linh Hoai Le, Vu Phi Le, Tuong Manh Le, Khuyen Hoang Nguyen, Tuan Anh Nguyen (2023), ***Identifying Factors Affecting Investment Control In Form Of Public - Private Partnerships For Road Traffic Infrastructure***, International Journal of Advanced and Applied Sciences, 10(1) 2023, Pages: 144-156.